

(Ban hành kèm Kế hoạch Đào tạo các ngành Trung cấp chính quy - Năm học 2025 - 2026 số 133 /KHĐT-CDYT ngày 16 tháng 7 năm 2025)

Ghi chú:	Nghỉ tết (Tết Nguyên Đán)	Nghỉ lễ (Các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước)	Thi kết thúc môn học và chấm thi kết thúc môn học	Thi kết thúc môn học và chấm thi kết thúc môn học	Thực tập lâm sàng (Tại các đơn vị lâm sàng)	Thực tập cuối khóa (Tại các đơn vị lâm sàng)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thi tốt nghiệp
----------	------------------------------	--	--	--	--	---	-----------------------------------	----------------

Lịch học từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (Học 03 ca/ngày - Sáng, chiều và tối)		
Ca	Thời gian	Ghi chú
Sáng	Từ 07h30 đến 11h30	- Đã tính giờ giải lao (15 phút sau 02 tiết hoặc 03 tiết dạy học)
Chiều	Từ 13h30 đến 17h30	- Lý thuyết 05 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Trường 04 tiết/ca sáng hoặc ca chiều
Tối	Từ 17h30 đến 20h45	- Thực hành tại Cơ sở Y tế 05 tiết/ca sáng; 04 tiết/ca chiều - Lý thuyết 04 tiết/ca tối - Thực hành tại Trường 03 tiết/ca tối

Huỳnh Thị Mai Hoa

Bùi Thị Kim Điền



TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH TRUNG CẤP CHÍNH QUY - NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm Kế hoạch Đào tạo các ngành Trung cấp chính quy - Năm học 2025 - 2026 số 133/KHĐT-CDYT ngày 15 tháng 07 năm 2025)

Năm học 2025-2026		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																						NGHỈ HÈ															
KHOA HỌC	THÁNG	9				10				11				12				01/2026							2	3					4					5				6					7					8				9										
	TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55								
	NGÀY/LỚP	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14								
		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14								
NĂM 2 (Khoa học 2024 - 2026)	24TC.VS.33	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DẪN	1. Sức khỏe sinh sản [04TC: 03LT - 01TH (II)] 2. Pháp luật (01TC: LT) 3. Y tế cộng đồng (2TC: 02LT) 4. Cấp cứu ban đầu [02TC: 01LT - 01TH (II)]				5. Sức khỏe trẻ em (04TC: LT) 6. Y học cổ truyền [02TC: 01LT - 01TH (II)] 7. Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTT (2TC: LT)				3. Y tế cộng đồng [1TC: TTCD (III)]	8. TTLS SẢN [02TC: TTLS (III)]	9. TTLS NHI [04TC: TTLS (III)]				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					1. Bệnh Ngoại khoa (04TC: LT) 2. Phục hồi chức năng (02TC: LT)					3. TTLS Ngoại khoa [04TC: TTLS (III)]					4. Tin học [02TC: 01LT - 01TH (I)] 5. Quản lý - Tổ chức y tế (02TC: LT)					6. TTLS Y học cổ truyền [02TC: TTLS (III)]				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					7. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP [05TC: TTLS (III)]					THI TỐT NGHIỆP			
	24TC.VHCT.13		1. Châm cứu [04TC: 02LT - 02TH (II)] 2. Pháp luật (01TC: LT) 3. Y tế cộng đồng (2TC: 02LT) 4. Cấp cứu ban đầu [02TC: 01LT - 01TH (II)] (2TC: 02LT)				5. TT CHÂM CỨU [03TC: TTLS (III)]				3. Y tế cộng đồng [1TC: TTCD (III)]	6. Bài thuốc cổ phương (02TC: LT) 7. Bệnh học Y học cổ truyền II [04TC: 02LT - 02TH (II)] 8 Bảo chế Đông dược [03TC: 02LT - 01TH (II)]				9. TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II [02TC: TTLS (III)]					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					1. Xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh [04TC: 02LT - 02TH (II)]					2. TTLS XB - BH - DS [03TC: TTLS (III)]					3. Tin học [02TC: 01LT - 01TH (I)] 4. Quản lý - Tổ chức y tế (02TC: LT)					5. TTLS YHCT III [03TC: TTLS (III)]				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					6. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP [05TC: TTLS (III)]					THI TỐT NGHIỆP				
NĂM 1 (Khoa học 2024 - 2026)	25TC.VS.34	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DẪN	1. Giáo dục chính trị (2TC: LT) 2. Tiếng Anh [04TC: 02LT - 02TH (I)]				3. Vi sinh - Ký sinh trùng (02TC: LT) 4. Giải phẫu - Sinh lý [05TC: 04LT - 01TH (II)] 5. Dược lý (2TC: LT) 6. Kỹ năng giao tiếp - GDSK [02TC: 01LT - 01TH (II)]				7. Điều dưỡng cơ sở [03TC: 02LT - 01TH (II)]				8. TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ [02TC: TTLS (III)]					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					1. Bệnh chuyên khoa (04TC: LT) 2. Vệ sinh phòng bệnh (2TC: LT)					2. Bệnh Nội khoa (04TC: LT) 4. Bệnh Truyền nhiễm (04TC: LT)					* GDTC (1TC) * GDQP&AN				5. TTLS NỘI KHOA [04TC: TTLS (III)]					6.TTLS TRUYỀN NHIỄM [02TC: TTLS (III)]				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2											
	25TC.VHCT.14		1. Giáo dục chính trị (2TC: LT) 2. Tiếng Anh [04TC: 02LT - 02TH (I)]				3. Vi sinh - Ký sinh trùng (02TC: LT) 4. Giải phẫu - Sinh lý [04TC: 03LT - 01TH (II)] 5. Dược lý (2TC: LT) 6. Tâm lý - Giáo dục sức khỏe [02TC: 01LT - 01TH (I)]				7. Kỹ năng giao tiếp [02TC: LT] 8. Bệnh học Y học hiện đại I (04TC: LT) 9. Bệnh học Y học hiện đại II (04TC: LT)				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					1. Lý luận cơ bản YHCT (03TC: LT) 2. Vệ sinh phòng bệnh (2TC: LT) 3. Điều dưỡng cơ sở [03TC: 02LT - 01TH (II)] 4. Bệnh học Y học cổ truyền I [03TC: 02LT - 01TH (II)] 5. Đông dược và thừa kế [03TC: 02LT - 01TH (II)]					* GDTC (1TC) * GDQP&AN					6. TTLS NỘI - NHI [02TC: TTLS (III)] 7. TLS NGOẠI - SẢN [02TC: TTLS (III)] 8. TTTLS YHCT I [02TC: TTLS (III)]				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																									

Ghi chú:	Nghỉ tết (Tết Nguyên Đán)	Nghỉ lễ (Các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước)	Thi kết thúc môn học và chấm thi kết thúc môn học	Thi kết thúc môn học và chấm thi kết thúc môn học	Thực tập lâm sàng (Tại các đơn vị lâm sàng)	Thực tập cuối khóa (Tại các đơn vị lâm sàng)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thi tốt nghiệp
----------	------------------------------	--	--	--	--	---	-----------------------------------	----------------

- a) TH (I): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
- b) TH (II): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập (01 Tín chỉ = 30 giờ chuẩn)
- c) TH (III): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị lâm sàng (01 Tín chỉ = 45 giờ chuẩn)
- d) LT: Lớp học lý thuyết tại lớp học (01 Tín chỉ = 15 giờ chuẩn)
- e) *: Môn học điều kiện

Lịch học từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (Học 03 ca/ngày)		
Ca	Thời gian	Ghi chú
Sáng	Từ 07h30 đến 11h30	- Đã tính giờ giải lao (15 phút sau 02 tiết hoặc 03 tiết dạy học)
Chiều	Từ 13h30 đến 17h30	- Lý thuyết 05 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Trường 04 tiết/ca sáng hoặc ca chiều
Tối	Từ 17h30 đến 20h45	- Thực hành tại Cơ sở Y tế 05 tiết/ca sáng; 04 tiết/ca chiều - Lý thuyết 04 tiết/ca tối - Thực hành tại Trường 03 tiết/ca tối